

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 237/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

+ Ông **Lê Văn H**, sinh năm 1976

+ Bà **Hồ Thị Kim Đ**, sinh năm 1980

Cùng địa chỉ: **A P, tổ D, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng.**

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông **Lê Văn H** và bà **Hồ Thị Kim Đ** đi đến hôn nhân vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại **UBND phường A, quận S**. Hôn nhân tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2] Tại phiên hòa giải, ông **Lê Văn H** và bà **Hồ Thị Kim Đ** xác định: Trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, khác nhau về quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Từ năm 2020 đến nay, vợ chồng sống ly thân nhau, không còn quan tâm đến

nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình giải quyết nhưng không có kết quả. Mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được. Vì vậy ông, bà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn cho ông, bà.

[3] Xét yêu cầu đề nghị công nhận thuận tình ly hôn của ông **Lê Văn H** và bà **Hồ Thị Kim Đ** thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa ông **Lê Văn H** và bà **Hồ Thị Kim Đ** lại không làm được điều này. Tại phiên hòa giải, ông **Lê Văn H** và bà **Hồ Thị Kim Đ** đều xác định không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, mâu thuẫn của ông **Lê Văn H** và bà **Hồ Thị Kim Đ** đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông **Lê Văn H** và bà **Hồ Thị Kim Đ** là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Ông **H** và bà **Đ** xác định vợ chồng có 03 con chung **Lê Văn Quốc K**, sinh ngày 24/7/2000; **Lê Thị Tường V**, sinh ngày 10/11/2003 và **Lê Thị Tường V1**, sinh ngày 07/02/2012. Thuận tình ly hôn, ông **H** và bà **Đ** thỏa thuận: Giao con chung **Lê Thị Tường V1**, sinh ngày 07/02/2012 cho ông **H** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi; bà **Đ** không cấp dưỡng nuôi con chung **Lê Thị Tường V1**. Riêng 02 con chung **Lê Văn Quốc K** và **Lê Thị Tường V** đã đủ 18 tuổi và phát triển bình thường nên không đề cập đến. Ông **H** và bà **Đ** tự nguyện thỏa thuận về người nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau ly hôn nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật HN&GD chấp nhận thỏa thuận nuôi con của ông bà.

[5] Về tài sản chung: Ông **H** và bà **Đ** tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét.

[6] Các vấn đề khác: Ông **H** và bà **Đ** xác định không có nợ chung nên Tòa án không xem xét.

[7] Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng ông **H** và bà **Đ** tự nguyện chịu.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 16 tháng 10 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó theo quy định tại Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông **Lê Văn H** và bà **Hồ Thị Kim Đ** (Do công nhận thuận tình ly hôn giữa ông **Lê Văn H** và bà **Hồ Thị Kim Đ** nên Giấy chứng nhận kết hôn số 132 do **UBND phường A, quận S** cấp ngày 07/12/2000 không còn giá trị pháp lý).

1.2 Về con chung: Giao con chung **Lê Thị Tường V1**, sinh ngày 07/02/2012 cho ông **H** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi; bà **Đ** không cấp dưỡng nuôi con chung **Lê Thị Tường V1**. Riêng 02 con chung **Lê Văn Quốc K** và **Lê Thị Tường V** đã đủ 18 tuổi và phát triển bình thường nên không đề cập đến.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3 Về tài sản chung: Ông **H** và bà **Đ** tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét.

1.4 Các vấn đề khác: Ông **H** và bà **Đ** xác định không có nợ chung nên Tòa án không xem xét.

**2.** Về Lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân và gia đình: Ông **H** và bà **Đ** tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002895 ngày 07/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Ông **H** và bà **Đ** đã nộp đủ lệ phí.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- UBND phường Nại Hiên Đông;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Đông Thanh**